TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-3-2019
V/v ly hôn giữa
anh T và chị Đ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Trần Thị Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Hòe - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 17, xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Xóm 17, xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Anh T có mặt; chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T kết hôn với chị Trần Thị Đ ngày 27-5-1995 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh T tại xóm 17 xã Hải Anh. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, anh T xin vay vốn quỹ tín dụng để lấy vốn làm ăn nhưng chị Đ không đồng ý.

Trong lúc vợ chồng xô sát, anh T có đánh chửi chị Đ nên chị Đ đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ, sau đó vào nam làm ăn; anh T có đi tìm nhưng chị Đ kiên quyết không về đoàn tụ. Anh T, chị Đ sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ cuối năm 2010 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh T làm đơn xin được ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Mai, sinh ngày 09-4-1996 và Trần Đức Đông, sinh ngày 27-7-2000. Hiện nay, cả 2 con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Quá trình chung sống, vợ chồng đã tạo lập được khối tài sản chung gồm 180 m^2 đất vườn tạp, 1 xe máy hiệu Angel và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Vì xe máy và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình đều đã cũ không còn giá trị sử dụng, mảnh đất vườn tạp có giá trị không lớn nên khi ly hôn, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Vợ chồng không vay mượn hoặc cho ai vay mượn tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 03-3-2019, bị đơn chị Trần Thị Đ có lời khai phù hợp với lời khai của anh T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị Đ nhất trí thuận tình ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn.

Về con chung: Chị Trần Thị Đ xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày. Hiện nay, cả 2 con chung đã thành niên nên khi ly hôn chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Đ xác nhận vợ chồng đã tạo lập được khối tài sản chung như anh T trình bày, hiện anh T đang quản lý, sử dụng. Do tài sản chung của vợ chồng giá trị không lớn, chị Đ và anh T sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. vợ chồng không vay mượn tài sản gì.

Do điều kiện công việc, chị Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ

luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Đ là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn T và chị Trần Thị Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 27-5-1995. Quá trình chung sống, do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng không thống nhất được cách thức làm ăn dẫn đến mẫu thuẫn, chị Đ bỏ nhà vào nam làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ năm 2010 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị xin được ly hôn với chị Đ; chị Đ nhất trí.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Đ có 02 con chung là Trần Thị Mai, sinh ngày 09-4-1996 và Trần Đức Đông, sinh ngày 27-7-2000. Hiện nay, cả 2 con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên anh T, chị Đ không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Anh T và chị Đ đều xác nhận quá trình chung sống có tạo lập được khối tài sản chung gồm 180 m^2 đất vườn tạp, xe máy Angel và một số đồ dùng sinh hoạt nhưng giá trị không lớn. Vợ chồng không vay mượn tài sản gì. Nay ly hôn, anh T, chị Đ đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Trần Thị Đ.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án

phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000319 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; Anh Trần Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải Anh: 01 bản;
- Đương sự: 02 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Ái